

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **17**/2013/QĐ-UBND

Đồng Tháp, ngày **11** tháng **6** năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp kiểm tra, đối chiếu thông tin
và sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài
sản nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 245/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính quy định thực hiện một số nội dung của Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 123/2011/TT-BTC ngày 31 tháng 8 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý, khai thác Phần mềm Quản lý đăng ký tài sản nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 09/2012/TT-BTC ngày 19 tháng 01 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 245/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính quy định thực hiện một số nội dung của Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp kiểm tra, đối chiếu thông tin và sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký. Sở Tài chính triển khai và theo dõi việc thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (I, II);
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản);
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh;
- TT/TU, TT/HĐND tỉnh;
- CT & các PCT/UBND tỉnh;
- LĐVP/UBND tỉnh;
- Lưu VT, KTTH, HS.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Dương

QUY CHẾ

Phối hợp kiểm tra, đối chiếu thông tin và sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 17/2013/QĐ-UBND
ngày 11 tháng 6 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quy chế này quy định mối quan hệ phối hợp giữa các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện) và các cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước với Sở Tài chính trong việc cung cấp thông tin để kiểm tra, đối chiếu kết quả đăng nhập dữ liệu tài sản nhà nước thuộc diện phải kê khai đăng ký (trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; xe ô tô các loại; tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản) vào Phần mềm Quản lý đăng ký tài sản nhà nước và sử dụng thông tin lưu giữ trong Cơ sở dữ liệu Quốc gia về tài sản nhà nước vào các mục đích: thực hiện báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước hàng năm theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước và các báo cáo khác theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; lập dự toán, xét duyệt quyết toán, quyết định, kiểm tra, kiểm toán, thanh tra việc đầu tư xây dựng, mua sắm, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa, sử dụng, xử lý (thu hồi, bán, điều chuyển, thanh lý, tiêu hủy) tài sản nhà nước.

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp

Việc phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại Điều 1 Quy chế này phải tuân theo nguyên tắc chặt chẽ, kịp thời, thống nhất, đảm bảo tính chính xác số liệu của cả tỉnh, từng cấp, từng cơ quan, tổ chức, đơn vị trong Cơ sở dữ liệu.

Điều 3. Trách nhiệm các bên trong quan hệ phối hợp

1. Sở Tài chính có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ liên quan đến Phần mềm Quản lý đăng ký tài sản nhà nước của Bộ Tài chính cho các đơn vị trên địa bàn tỉnh.

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý những đơn vị vi phạm quy định trong việc lập Báo cáo kê khai, nhập dữ liệu, duyệt dữ liệu, khai thác, sử dụng thông tin theo quy định của pháp luật.

c) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo hướng dẫn của Bộ Tài chính và quy định cụ thể tại Quy chế này.

2. Các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm:

a) Xác nhận báo cáo kê khai của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

b) Tổng hợp, báo cáo biến động của tài sản nhà nước theo đúng thời hạn quy định.

c) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định tại Quy chế này và quy định của pháp luật có liên quan.

3. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản phải báo cáo, kê khai có trách nhiệm:

a) Lập báo cáo kê khai tài sản nhà nước theo quy định.

b) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định tại Quy chế này và quy định của pháp luật có liên quan.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Phối hợp trong việc lập, xác nhận Tờ khai, cập nhật dữ liệu tài sản nhà nước vào Cơ sở dữ liệu

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; xe ô tô các loại; tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản, có trách nhiệm lập báo cáo kê khai đăng ký theo đúng mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 09/2012/TT-BTC ngày 19 tháng 01 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 245/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính quy định thực hiện một số nội dung của Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước (sau đây gọi là Thông tư số 09). Cụ thể như sau:

a) Đối với trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp thực hiện kê khai theo Mẫu số 01-ĐK/TSNN ban hành kèm theo Thông tư số 09; mỗi trụ sở lập riêng một báo cáo kê khai.

b) Đối với xe ô tô thực hiện kê khai theo Mẫu số 02-ĐK/TSNN ban hành kèm theo Thông tư số 09; mỗi đơn vị lập một báo cáo kê khai.

c) Đối với tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản, thực hiện kê khai theo Mẫu số 03-ĐK/TSNN ban hành kèm theo Thông tư số 09; mỗi đơn vị lập một báo cáo kê khai.

d) Trường hợp các đơn vị đã lập báo cáo kê khai đăng ký theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 245/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính quy định thực một số nội dung của Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước (sau đây gọi là Thông tư số 245) thì không cần lập lại báo cáo.

2. Trường hợp có thay đổi về tài sản nhà nước do đầu tư xây dựng, mua sắm mới, tiếp nhận từ đơn vị khác về sử dụng, thanh lý, điều chuyển, bị thu hồi, tiêu hủy hoặc bán theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; thay đổi mục đích sử dụng tài sản hoặc cơ quan được giao quản lý, sử dụng tài sản thay đổi tên gọi, chia tách, sáp nhập theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, cơ quan, tổ chức, đơn vị có các thông tin thay đổi nêu trên lập báo cáo kê khai bổ sung trong thời hạn không quá 30 ngày, kể từ ngày có sự thay đổi theo Mẫu số 04-ĐK/TSNN ban hành kèm theo Thông tư số 09.

3. Báo cáo kê khai đăng ký tài sản nhà nước được lập thành 03 bộ, gửi 02 bộ đến sở, ban, ngành chủ quản hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện (sau đây gọi tắt là cơ quan chủ quản), 01 bộ lưu tại cơ quan, tổ chức, đơn vị.

4. Cơ quan chủ quản (cấp huyện thông qua Phòng Tài chính - Kế hoạch) thực hiện xác nhận hồ sơ báo cáo kê khai tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị; gửi 01 bộ hồ sơ báo cáo kê khai tài sản đã có xác nhận đến Sở Tài chính, 01 bộ lưu tại cơ quan chủ quản.

5. Sở Tài chính thực hiện việc đăng ký tài sản vào Phần mềm Quản lý đăng ký tài sản nhà nước theo quy định.

Điều 5. Phối hợp cung cấp thông tin để kiểm tra, đối chiếu kết quả kê khai đăng ký tài sản nhà nước

1. Sở Tài chính có trách nhiệm cập nhật, kiểm tra, đối chiếu số liệu đã nhập vào Phần mềm Quản lý đăng ký tài sản nhà nước với hồ sơ báo cáo kê khai của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2. Sở Tài chính sau khi đối chiếu số liệu trong Cơ sở dữ liệu với hồ sơ báo cáo kê khai có trách nhiệm:

a) In và gửi “Phiếu xác nhận thông tin trong Cơ sở dữ liệu về tài sản nhà nước” cho từng cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản để rà soát, kiểm tra và xác nhận về tính chính xác của số liệu đã đăng nhập vào Cơ sở dữ liệu.

b) In và gửi thông tin về đất đến Sở Tài nguyên và Môi trường để Sở Tài nguyên và Môi trường căn cứ hồ sơ địa chính đối chiếu, kiểm tra các thông tin có liên quan.

3. Cơ quan chủ quản gửi các mẫu biểu, hướng dẫn việc rà soát, chuẩn hóa dữ liệu, Phiếu xác nhận thông tin (nhận từ Sở Tài chính) đến các cơ quan, tổ

chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý để xác nhận vào Phiếu xác nhận thông tin của các cơ quan tổ chức, đơn vị sau khi đã chuẩn hóa, tổng hợp và gửi Sở Tài chính trong thời hạn không quá 30 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tài chính.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm đối chiếu xác nhận thông tin nêu tại điểm b khoản 2 Điều này trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tài chính.

Điều 6. Phối hợp trong công tác lập dự toán đầu tư xây dựng, mua sắm, nâng cấp cải tạo, sửa chữa tài sản nhà nước

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị khi xây dựng kế hoạch mua sắm, đầu tư xây dựng phải trình kèm thông tin về hiện trạng và số lượng tài sản nhà nước hiện có trong Cơ sở dữ liệu, trình cấp có thẩm quyền thẩm định, tổng hợp, phê duyệt dự toán.

2. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị khi xây dựng kế hoạch nâng cấp, cải tạo, sửa chữa tài sản nhà nước, trong quá trình lập dự toán ngân sách nhà nước phân bổ hàng năm cho hoạt động này phải trình kèm theo “Phiếu xác nhận thông tin trong Cơ sở dữ liệu về tài sản nhà nước” của tài sản từ thời điểm hình thành đến thời điểm lập dự toán, trình cấp có thẩm quyền thẩm định, tổng hợp, phê duyệt dự toán.

3. Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư kiểm tra hiện trạng và số lượng tài sản đã được trang cấp của đơn vị đã đăng ký trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản nhà nước. Nếu cơ quan, tổ chức, đơn vị chưa kê khai, đăng ký tài sản (trụ sở làm việc, xe ô tô, tài sản khác có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản) theo quy định, Sở Tài chính đề nghị đơn vị kê khai bổ sung đầy đủ trước khi thực hiện thẩm định dự toán.

Từ năm 2014, không xem xét kế hoạch đầu tư xây dựng, mua sắm, nâng cấp cải tạo, sửa chữa tài sản nhà nước đối với những cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản thuộc diện phải kê khai đăng ký nhưng không thực hiện kê khai đăng ký vào Cơ sở dữ liệu.

4. Trường hợp cần thiết, các cơ quan thẩm định kiểm tra thực tế tài sản tại đơn vị. Nếu số liệu trong Cơ sở dữ liệu không phản ánh đúng thực tế hiện trạng kiểm tra thì đơn vị quản lý, sử dụng tài sản báo cáo điều chỉnh số liệu hoặc kê khai bổ sung gửi cơ quan chủ quản và Sở Tài chính để thực hiện điều chỉnh, bổ sung trong Cơ sở dữ liệu trước khi xem xét kế hoạch đầu tư xây dựng, mua sắm, nâng cấp cải tạo, sửa chữa tài sản nhà nước.

5. Sở Tài chính chịu trách nhiệm cung cấp “Phiếu xác nhận thông tin trong Cơ sở dữ liệu về tài sản nhà nước” cho các đơn vị khi có yêu cầu.

Điều 7. Phối hợp trong công tác xét duyệt quyết toán đầu tư xây dựng, mua sắm, nâng cấp cải tạo, sửa chữa, sử dụng tài sản nhà nước

1. Sở Tài chính, Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện chỉ xem xét, thực hiện quyết toán đối với các tài sản thuộc đối tượng kê khai đăng ký sau khi tài sản đó đã được đăng ký vào Cơ sở dữ liệu.

2. Sau khi quyết toán, nếu có chênh lệch về số liệu giữa Cơ sở dữ liệu với giá trị duyệt quyết toán thì đề nghị cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản có trách nhiệm lập báo cáo điều chỉnh số liệu gửi cơ quan chủ quản và Sở Tài chính để thực hiện điều chỉnh trong Cơ sở dữ liệu.

3. Sau khi có kết quả duyệt quyết toán, các đơn vị thực hiện bàn giao đầy đủ hồ sơ liên quan đến tài sản nhà nước đã thực hiện đầu tư, mua sắm cho đơn vị thụ hưởng tiếp tục theo dõi.

Điều 8. Phối hợp trong công tác xử lý (thu hồi, bán, điều chuyển, thanh lý, tiêu hủy) tài sản nhà nước

1. Khi tài sản nhà nước cần xử lý (thu hồi, bán, điều chuyển, thanh lý) thì cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị xử lý theo quy định tại Điều 17, Điều 21 và Điều 28 Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước (sau đây gọi là Nghị định số 52), kèm theo Danh mục tài sản cần xử lý theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 09, gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, quyết định.

2. Sở Tài chính có trách nhiệm cung cấp Danh mục tài sản nhà nước cần xử lý in từ Cơ sở dữ liệu khi đơn vị sử dụng tài sản có yêu cầu.

Điều 9. Phối hợp trong việc kiểm tra, kiểm toán, thanh tra việc chấp hành chế độ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước

1. Cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu thực hiện công tác, kiểm tra, kiểm toán, thanh tra việc chấp hành chế độ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

2. Sở Tài chính chịu trách nhiệm cung cấp thông tin lưu trữ trong Cơ sở dữ liệu khi có yêu cầu của cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán.

Điều 10. Phối hợp trong công tác báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước

1. Hàng năm, cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước lập báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản của năm trước đối với tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Nghị định số 52; gửi cơ quan chủ quản trước ngày 31 tháng 01 năm sau.

2. Cơ quan chủ quản lập báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý gửi Sở Tài chính trước ngày 28 tháng 02 năm sau.

3. Sở Tài chính tổng hợp báo cáo do các cơ quan chủ quản gửi đến, dự thảo báo cáo trình Ủy ban nhân dân tỉnh để gửi Bộ Tài chính trước ngày 15 tháng 3 hàng năm.

4. Nội dung báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước theo quy định tại Điều 18 Thông tư số 245; hình thức báo cáo theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 09.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Xử lý vi phạm

Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định tại Quy chế này thì tùy theo mức độ vi phạm mà có hình thức xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Tài chính tổ chức hướng dẫn thực hiện Quy chế này; định kỳ hàng năm tổng hợp tình hình báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm thi hành những quy định tại Quy chế này.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Tài chính để được hướng dẫn xử lý. /.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Dương